

# THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Về việc: Tổ chức Hội thảo Công bố

**Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018**

## **HIỂU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT**



Friedrich Naumann  
STIFTUNG **FÜR DIE FREIHEIT**



Sáng ngày 08/5/2018, tại Khách sạn Pan Pacific, Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (UEB – VNU) và Viện Friedrich Naumann Foundation (FNF) Việt Nam phối hợp tổ chức Hội thảo công bố **Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018**.

Tiếp nối thành công của những năm trước, *Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018*, với tựa đề “Hiểu thị trường lao động để tăng năng suất”, tập trung vào chủ đề năng suất lao động của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế, với quan điểm cho rằng cần phải hiểu rõ hơn thị trường lao động để lý giải chất lượng nguồn nhân lực và tiến trình năng suất tại Việt Nam. Vì lý do đó, Báo cáo năm nay, bên cạnh việc xem xét, nhận định tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, đi sâu đánh giá đặc điểm của quá trình thay đổi năng suất lao động trong hai thập kỷ hội nhập kinh tế và chọn lọc phân tích một số khía cạnh trên thị trường lao động của Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị chính sách ngắn hạn và dài hạn cho nền kinh tế.

**Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam**, được công bố lần đầu tiên năm 2009, là chuỗi báo cáo được xuất bản hàng năm nhằm tổng kết các vấn đề kinh tế lớn một năm qua, đồng thời thảo luận về viễn cảnh kinh tế năm tới và đề xuất các chính sách liên quan.

**Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam** là sản phẩm chính trong chương trình nghiên cứu chiến lược của Đại học Quốc gia Hà Nội về **“Lý thuyết và chính sách kinh tế vĩ mô trong điều kiện hội nhập kinh tế của Việt Nam”**.

Sự kiện Hội thảo công bố Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018 do Viện Friedrich Naumann Foundation (FNF) Việt Nam tài trợ.

Báo cáo năm nay do PGS. TS Nguyễn Đức Thành và GS. TS. Ohno Kenechi (Nhật Bản) đồng chủ biên, là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu cũng như cho tất cả những ai quan tâm đến các vấn đề về kinh tế vĩ mô tại Việt Nam.

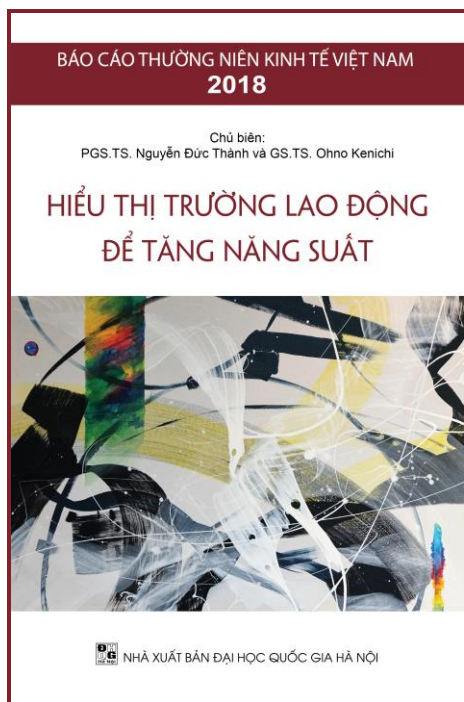
Thành phần tham dự buổi Hội thảo gồm nhiều lãnh đạo và đại diện của các cơ quan chính phủ, cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan lý luận và nghiên cứu trong nước và quốc tế, lãnh đạo các trường đại học và viện nghiên cứu, đại diện của nhiều sứ quán, các tổ chức phát triển quốc tế tại Việt Nam, các nhà tài trợ quốc tế, các Hội và Hiệp hội, các doanh nghiệp, ngân hàng và các cơ quan thông tấn báo chí.

Báo cáo được cập nhật thông tin và số liệu đến hết tháng 12 năm 2017, một số vấn đề thời sự được cập nhật đến hết Quý 1 năm 2018.

Báo cáo tiếng Việt đầy đủ sẽ được dự kiến xuất bản vào tháng 9 năm 2018. Báo cáo tiếng Anh dự kiến sẽ được xuất bản và phát hành rộng rãi trên thị trường quốc tế vào cuối tháng 12 năm 2018.

Mọi ý kiến trao đổi và góp ý về nội dung chuyên môn của *Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018* xin được gửi tới PGS. TS. Nguyễn Đức Thành, tại địa chỉ email: [nguyen.ducthanh@vepr.org.vn](mailto:nguyen.ducthanh@vepr.org.vn)

Để biết thêm thông tin về Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam hoặc các sự kiện có liên quan xin truy cập website của VEPR tại địa chỉ [www.vepr.org.vn](http://www.vepr.org.vn), liên hệ VEPR hotline 0975608677, email: [info@vepr.org.vn](mailto:info@vepr.org.vn) hoặc theo dõi Facebook fanpage của VEPR <https://www.facebook.com/VEPRinstitute/>

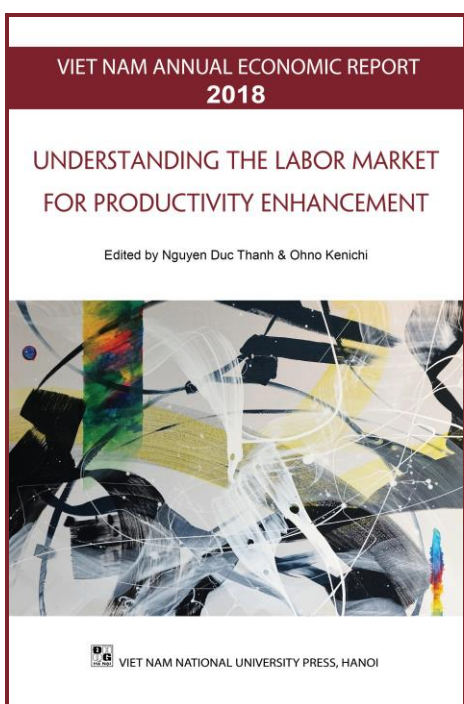


**Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018** bao gồm 7 Chương và 2 Phụ lục.

Chương 1, “**Tổng quan kinh tế thế giới 2017**” tóm lược bức tranh kinh tế trên toàn cầu trong năm 2017, cung cấp cho độc giả một cái nhìn tổng thể về kinh tế thế giới với nhiều yếu tố tích cực như: (i) tăng trưởng trên diện rộng của phần lớn các quốc gia trên thế giới; (ii) sự hồi phục mạnh mẽ của thương mại toàn cầu và xu hướng giảm các biện pháp hạn chế thương mại mới; (iii) tốc độ mở rộng sản xuất toàn cầu nhanh nhất kể từ năm 2011; và (iv) bối cảnh chính trị ổn định hơn ở châu Âu. Tuy nhiên, bên cạnh các yếu tố tích cực này, kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với các yếu tố khó lường được cho là có tác động tới dòng FDI toàn cầu năm 2017 như tiến trình đàm phán Brexit; Hoa Kỳ rút khỏi nhiều cam kết toàn cầu và khởi động chiến tranh thương mại; chủ nghĩa dân túy và bảo hộ gia tăng ở nhiều quốc gia; căng thẳng và xung đột giữa các quốc gia leo thang, đặc biệt ở Trung Đông.

Chương 2, “**Tổng quan kinh tế Việt Nam 2017**” cung cấp một cái nhìn và đánh giá toàn cảnh về kinh tế Việt Nam trong năm 2017. Cùng với xu hướng chung, kinh tế Việt Nam cũng có sự cải thiện đáng kể về mặt tăng trưởng. Khu vực sản xuất, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo, tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo. Lạm phát được duy trì ở mức tương đối thấp nhờ chính sách điều tiết cung tiền thận trọng của NHNN. Kinh tế vĩ mô ổn định, cùng với những cải cách thể chế nhằm của Chính phủ cải thiện môi trường đầu tư được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động kinh doanh trong năm 2018. Tuy nhiên, nhiều vấn đề nội tại cố hữu, trong đó có vấn đề năng suất lao động, nợ công và thâm hụt ngân sách và việc kinh tế Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố bên ngoài, vẫn sẽ là lực cản với nền kinh tế khi chưa có biện pháp triệt để.

Chương 3, “**Đặc điểm của năng suất lao động Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế**”, phân tích đặc điểm phát triển của năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam từ cấp độ tổng thể nền kinh tế đến cấp độ ngành, sau đó xem xét vị trí của Việt Nam trong tương quan so sánh với một số quốc gia Đông Bắc Á và ASEAN ở cả hai cấp độ trên. Kết quả cho thấy năng suất của Việt Nam thuộc hàng thấp nhất trong khu vực, kể cả khi so sánh với Campuchia. Đặc biệt các ngành có năng suất thực sự “đội sổ” bao gồm “chế biến chế tạo”, “xây dựng” và “logistics” cho thấy điều đáng lo ngại về nền sản xuất nội địa. Ngoài ra, trong một thập niên gần đây năng suất của Việt Nam chủ yếu được cải thiện nhờ dịch chuyển cơ cấu. Vì thế, thị trường lao động linh hoạt có ý nghĩa quan trọng, nhưng điều này lại chưa được chú ý.



## Đơn vị thực hiện

**Viện Nghiên cứu Kinh tế & Chính sách (VEPR)**, tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế & Chính sách, thuộc Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN được thành lập từ tháng 7/2008. Viện tập hợp một mạng lưới đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài nước, tập trung nghiên cứu và phân tích chính sách bằng các phương pháp hiện đại, mang tính định lượng cao. Dựa trên kết quả nghiên cứu và mạng lưới chuyên gia, VEPR cung cấp các dịch vụ tư vấn và đào tạo chất lượng cao cho các cơ quan chính phủ, tổ chức phát triển quốc tế, doanh nghiệp và các cơ quan truyền thông.

Từ năm 2018, Viện được công nhận là *Trung tâm Nghiên cứu Trọng điểm* cấp ĐHQG.

Theo *Báo cáo về Xếp hạng Think Tank Toàn cầu 2018* của Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), VEPR xếp thứ 123 trong số các think tank có ảnh hưởng lớn nhất thế giới, và xếp thứ 56 trong khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương trong lĩnh vực Phát triển Quốc tế.

## Đơn vị tài trợ sự kiện

Viện Friedrich Naumann (FNF) hoạt động ở Đức và khoảng 70 nước khác. Tất cả hoạt động của chúng tôi đều được xây dựng trên giá trị căn bản về tự do. Cùng với các đối tác của mình, chúng tôi mong muốn thực hiện các dự án để giúp mọi người trên thế giới được sống trong tự do, nhân phẩm, hòa bình và thịnh vượng. Chúng tôi hỗ trợ việc xây dựng các thiết chế dân chủ trên nền tảng nhà nước pháp quyền, và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

FNF chính thức mở văn phòng đại diện tại Việt Nam ngày 18 tháng 9 năm 2012. Bên cạnh việc giúp các đối tác Việt Nam nâng cao năng lực tổ chức, chúng tôi còn hỗ trợ các nghiên cứu chính sách, tổ chức hội thảo và các khóa đào tạo, tài trợ việc dịch và xuất bản sách.

Chương 4, "**Mức độ tăng lương và năng suất lao động tại Việt Nam**", phân tích chính sách lương tối thiểu hiện tại ở Việt Nam, mối quan hệ giữa lương tối thiểu, lương trung bình và năng suất lao động; cũng như đánh giá tác động của việc điều chỉnh liên tục lương tối thiểu đối với nền kinh tế. Phân tích thực nghiệm của chúng tôi cho thấy, tốc độ tăng tiền lương có liên quan đến sự điều chỉnh tăng lên nhanh của lương tối thiểu. Điều này dẫn tới làm giảm mức tăng trưởng việc làm và giảm tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Cần lưu ý rằng, có sự khác biệt đáng kể về mức độ tác động với các thành phần kinh tế, phản ánh sự khác biệt về quy mô thị trường lao động và khả năng công nghệ và tài chính của doanh nghiệp trong việc đối phó với chi phí lao động gia tăng. Nói chung doanh nghiệp tư nhân có khuynh hướng cắt giảm lao động chính thức (có đóng bảo hiểm) để đối phó khi lương tối thiểu tăng. Đồng thời, có bằng chứng về hiện tượng cơ giới hóa ở các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành chế tác thâm dụng lao động dưới sức ép tăng lương.

Chương 5, "**Quyết định tham gia thị trường lao động và lựa chọn nghề của lao động trẻ**", khai thác hai bộ số liệu có tính đại diện toàn quốc là *Điều tra lao động việc làm* trong 10 năm từ 2007 đến 2016 và *Điều tra chuyển tiếp từ trường học tới việc làm* trong hai năm 2012 và 2015, nhằm phát hiện xu hướng tham gia thị trường lao động, loại việc làm và các nhân tố tác động tới hành vi của lao động trẻ. Kết quả cho thấy một tỷ lệ lớn lao động trẻ làm việc trong lĩnh vực hộ gia đình hoặc phi chính thức và không đúng với chuyên môn được đào tạo, đồng nghĩa với việc họ ít có điều kiện tích lũy kỹ năng. Họ cũng có khuynh hướng ít được hưởng bảo hiểm xã hội hơn. Điều này cho thấy nguy cơ năng suất không được cải thiện trong tương lai đi cùng với nhiều rủi ro hơn. Thêm vào đó, sự tìm kiếm việc làm thường qua các quan hệ cá nhân chứ không phải qua các trung gian chuyên nghiệp trên thị trường, cho thấy một thị trường lao động thực thụ chưa phát triển. Kết quả là, các chính sách thúc đẩy lao động việc làm của Nhà nước thường ít phát huy tác dụng.

Chương 6, "**Thúc đẩy năng suất thông qua hội nhập thị trường lao động quốc tế**", rà soát thực trạng và tìm hiểu động lực của các bên tham gia trong các chương trình đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc, đi sâu phân tích trường hợp thực tập sinh Việt Nam tại Nhật Bản. Kết quả cho thấy còn nhiều bất cập làm cản trở khả năng lan tỏa năng suất lao động. Một trong những vấn đề tồn tại cốt yếu hiện nay là sự thiếu minh bạch và thiếu chia sẻ thông tin trên thị trường. Đồng thời, cấu trúc thị trường chưa được hoàn thiện cũng dẫn tới việc chi phí tuyển dụng còn cao, tạo áp lực kinh tế lên thực tập sinh, dẫn tới hiệu quả cải thiện năng suất của lao động Việt Nam tại nước ngoài còn thấp.

Chương 7 của Báo cáo về "**Viễn cảnh kinh tế Việt Nam 2018 và khuyến nghị chính sách**" cung cấp hai kịch bản dự báo về viễn cảnh kinh tế vĩ mô ngắn hạn của Việt Nam. Dự báo tăng trưởng của nền kinh tế nhiều khả năng đạt 6,83% năm 2018, với mức lạm phát cả năm 4,21%. Trong một kịch bản bất lợi hơn, tăng trưởng chỉ đạt mức 6,49% và lạm phát chỉ tương đối ổn định ở mức 3,86%.

Xét về dài hạn, cải thiện năng suất nền kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm của mọi chính sách cải cách. Xét riêng trên khía cạnh thị trường lao động, còn cần nhiều nỗ lực để thị trường trở nên hiệu quả hơn, góp phần giúp lao động được tái phân bổ nhanh hơn, và giúp người lao động cải thiện năng suất nhanh hơn.

# CHƯƠNG TRÌNH

## HỘI THẢO CÔNG BỐ

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN KINH TẾ VIỆT NAM 2018

# HIỆU THỊ TRƯỞNG LAO ĐỘNG ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT

Thời gian: Thứ Ba, ngày 08/5/2018

Địa điểm: Khách sạn Pan Pacific, số 1 đường Thanh Niên, Hà Nội

#### **08h00 – 08h30 Đăng ký đại biểu**

08h30 – 08h35 Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu

08h35 – 08h45 Phát biểu khai mạc

*PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê, Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN*

08h45 – 08h55 Phát biểu chào mừng

*PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội*

*Ngài Mark Stanitzki, Giám đốc Quốc gia Viện FNF Việt Nam*

08h55 – 09h40 Giới thiệu nội dung chính của Báo cáo Kinh tế Việt Nam 2018

*PGS.TS. Nguyễn Đức Thành – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)*

09h40 – 10h10 Nhận xét của chuyên gia phản biện

*1. PGS.TS. Vũ Minh Khương, Trường Chính sách công Lý Quang Diệu – Đại học Quốc gia Singapore (NUS)*

*2. PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

*3. TS. Nguyễn Anh Tuấn, Viện trưởng Viện Năng suất Việt Nam*

#### **10h10 – 10h30 Nghỉ giải lao – Tiệc trà**

10h30 – 11h55 Trao đổi và thảo luận giữa Nhóm tác giả với các đại biểu tham dự

Điều hành phiên thảo luận:

*PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê, Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN*

11h55 – 12h00 Phát biểu tổng kết của Lãnh đạo trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN và bế mạc Hội thảo

12h00 – 13h30 Ăn trưa tại Khách sạn

**BAN TỔ CHỨC**

**Nhóm tác giả thực hiện**  
**Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018**  
**HIỆU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT**

**CHỦ BIÊN:**

**PGS.TS. Nguyễn Đức Thành:** Nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế Phát triển tại Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản (GRIPS); chuyên gia về kinh tế vĩ mô; thành viên Nhóm tư vấn Kinh tế của Thủ tướng Chính phủ (2011-2016); Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR).

**GS.TS. Ohno Kenichi:** Nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Stanford (Hoa Kỳ); Giáo sư Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản (GRIPS), Tokyo; sáng lập và giám đốc Diễn đàn Phát triển Việt Nam (VDF); cố vấn trưởng của Chương trình Sáng kiến Nâng cao Năng suất Việt Nam – Nhật Bản (VJPP) thuộc VEPR.

**NHÓM TÁC GIẢ:**

**TS. Nguyễn Tiến Dũng:** Nhận bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Kinh tế Phát triển tại Đại học Nagoya (Nhật Bản); giảng viên Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, cộng tác viên nghiên cứu của VEPR.

**ThS. Vũ Hoàng Đạt:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế Phát triển của Chương trình Cao học Việt Nam – Hà Lan tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; nghiên cứu sinh ngành Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Paris Dauphine (Pháp); Phó trưởng phòng Các vấn đề phát triển, Trung tâm Phân tích và Dự báo (CAF) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS).

**ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp:** Nhận bằng Thạc sĩ và Cử nhân Kinh tế học tại Đại học Waseda (Nhật Bản); nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô thuộc VEPR.

**TS. Vũ Thanh Hương:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên tại Đại học Queensland, Australia và Tiến sĩ Kinh tế Quốc tế tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; giảng viên Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

**ThS. Phạm Thị Hương:** Nhận bằng Thạc sĩ Chính sách Quan hệ Quốc tế tại Ritsumeikan Asia Pacific University (Nhật Bản); nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô thuộc VEPR.

**ThS. Vũ Minh Long:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế học tại Đại học Đại học Autonomous Barcelona (Tây Ban Nha), Đại học Paris I và Paris School of Economics (Pháp) theo chương trình Erasmus Mundus của Liên minh Châu Âu; nhận bằng Cử nhân danh dự chuyên ngành Tài chính tại Đại học La Trobe (Australia); nghiên cứu sinh ngành Kinh tế Vĩ mô tại Virginia Polytechnic Institute and State University (Hoa Kỳ); Trưởng nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô thuộc VEPR.

**Phạm Văn Long:** Nhận bằng Cử nhân Kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân; nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vi mô thuộc VEPR.

**TS. Nguyễn Cẩm Nhung:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế và Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Quốc gia Yokohama, Nhật Bản; chuyên gia về hội nhập tài chính, chính sách và những vấn đề tài chính quốc tế; giảng viên, Phó Chủ nhiệm bộ môn Tài chính quốc tế, Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; cộng tác viên nghiên cứu của VEPR.

**ThS. Lưu Hoàng Phú:** Nhận bằng Thạc sĩ Phân tích Kinh tế và Phát triển Quốc tế tại Đại học Clermont-Auvergne (Pháp); nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vi mô thuộc VEPR.

**ThS. Nguyễn Thị Minh Phương:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế tại Đại học Kinh tế và Luật Berlin (Đức); giảng viên Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

**ThS. Phạm Minh Thái:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế Phát triển của Chương trình Cao học Việt Nam – Hà Lan tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; nghiên cứu sinh khoa Kinh tế Chính trị tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; nghiên cứu viên tại Trung tâm Phân tích và Dự báo (CAF) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS).

**Nguyễn Quang Thái:** Nhận bằng Cử nhân danh hiệu xuất sắc toàn khóa học chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Viện Ngân hàng Tài chính, trường Đại học Kinh tế Quốc dân; nhận giải Ba Giải thưởng Tài năng Khoa học trẻ cấp Bộ năm 2012; nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vi mô của VEPR.

**ThS. Hoàng Thị Chinh Thon:** Nhận bằng Thạc sĩ Chính sách Công tại Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; giảng viên Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội), nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vi mô của VEPR.

**ThS. Phạm Thị Tuyết Trinh:** Tốt nghiệp xuất sắc Chương trình Thạc sĩ Chính sách Công tại KDI School of Public Policy and Management (Hàn Quốc); nghiên cứu sinh Khoa Kinh tế học Ứng dụng, Đại học Cornell (Hoa Kỳ); nghiên cứu viên nhóm Nghiên cứu Kinh tế Vi mô thuộc VEPR.

**TS. Yamauchi Futoshi:** Nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ); nghiên cứu viên cao cấp của Ngân hàng Thế giới (WB).